Hội chứng cai chất dạng thuốc phiện

BS Nguyễn Minh Nhân

Mục tiêu học tập

- Mô tả được diễn tiến tự nhiên của hội chứng cai heroin và methadone.
- Biết cách sử dụng thang điểm COWS và phân loại hội chứng cai dựa theo thang điểm COWS.
- Biết cách khai thác các triệu chứng cai.

Nhắc lại về dược lý

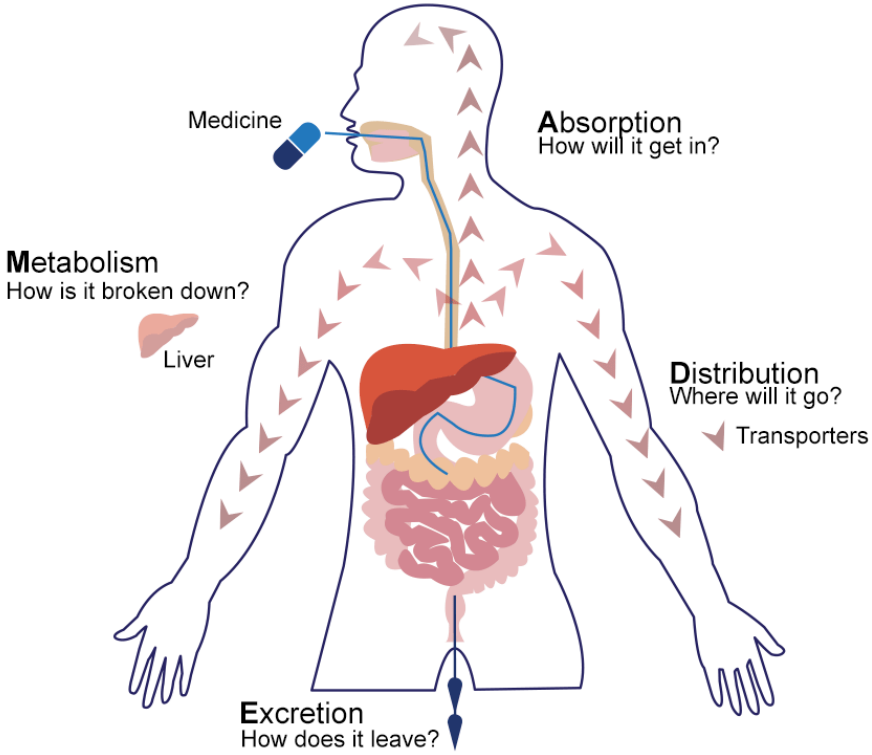

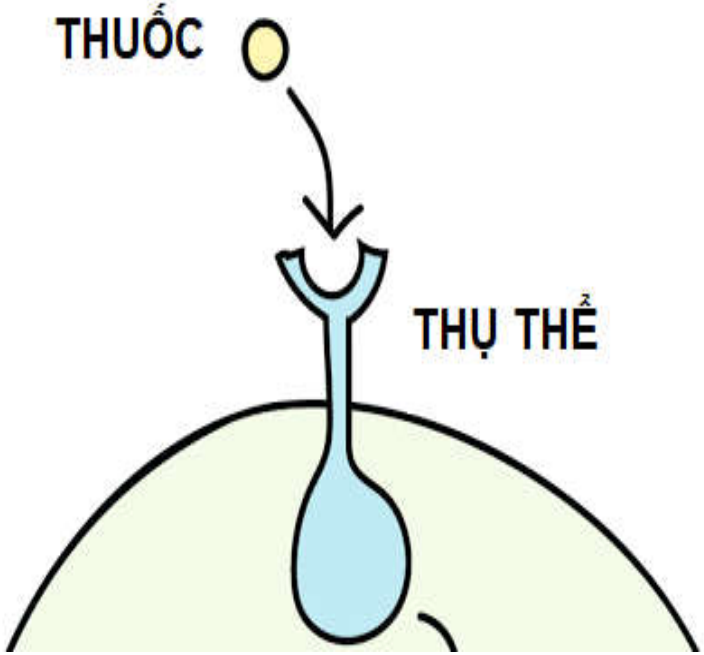

Dược động học (pharmacokinetics)

Tác động lên thụ thể μ

Hoạt chất	Tác động lên thụ thể μ
Methadone	Đồng vận
Morphine	Đồng vận
Codein	Đồng vận
Buprenorphine	Bán đồng vận
Naloxone	Đối vận
Natrexone	Đối vận

Tác động lên thụ thể μ

Cơ quan có thụ thể μ	Triệu chứng Nhiễm độc	Khi ngưng đột ngột (hội chứng cai)
Giảm đau	+	-
Đồng tử	Co	Giãn
Ức chế hô hấp	+++	---
Lợi tiểu	Kháng lợi tiểu	Lợi tiểu
Đường tiêu hóa	Táo bón	Tiêu chảy
Cơ trơn	Co thắt	
Hành vi	Khoái cảm An thần ++	Bứt rứt

Định nghĩa

Hội chứng cai là trạng thái phản ứng của cơ thể khi cắt hoặc giảm chất CDTP đang sử dụng ở những người nghiện CDTP.

Biểu hiện lâm sàng của hội chứng cai khác nhau phụ thuộc vào loại CDTP đang sử dụng.

Diễn tiến tự nhiên của hội chứng cai

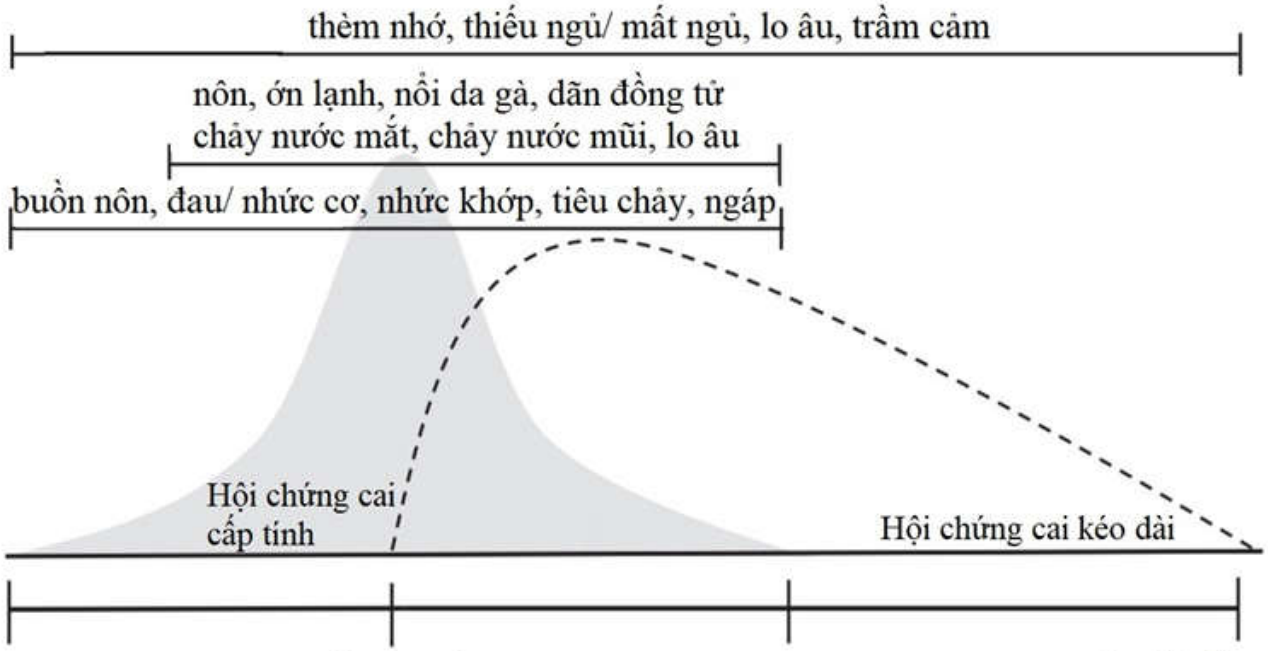

Heroin	4 - 6 giờ sau liều cuối cùng	2 - 3 ngày	5 - 7 ngày	1 - 4 tuần
Methadone	24 - 36 giờ sau liều cuối cùng	3 - 7 ngày	7 - 14 ngày	1 - 4 tuần

So sánh diễn tiến của hội chứng cai

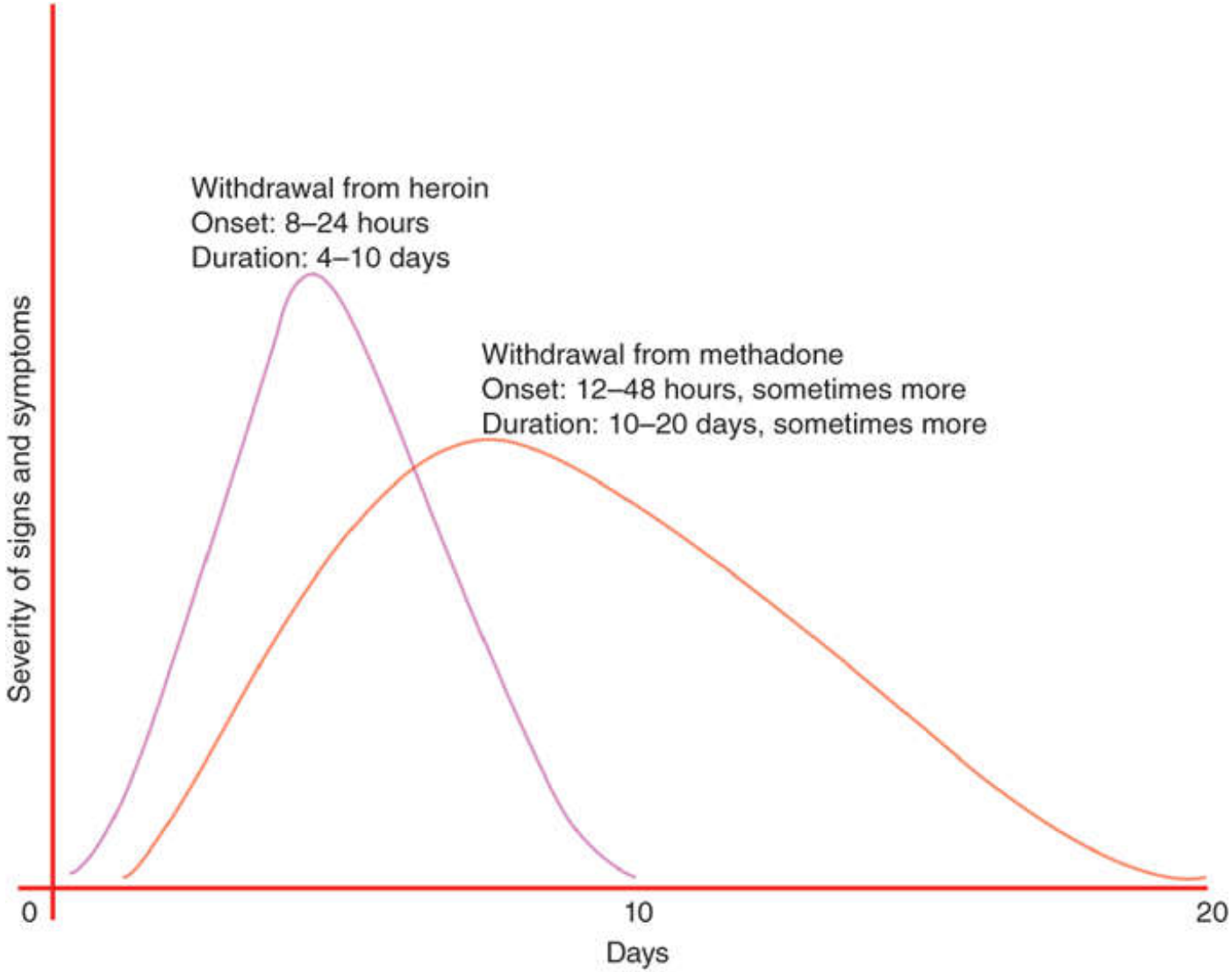

Source: Admir Hadzic, Angela Lucia Balocco: Hadzic's Textbook of Regional Anesthesia and Acute Pain Management: Self-Assessment and Review: Copyright © McGraw-Hill Education. All rights reserved.

Thang điểm COWS

- Clinical Opiate Withdrawal Scale
- Được giới thiệu lần đầu tiên năm 1999

THANG ĐÁNH GIÁ LÂM SÀNG
HỘI CHỨNG CAI CÁC CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN

Khoanh tròn số mô tả đúng nhất triệu chứng, dấu hiệu của bệnh nhân cho từng mục. Xếp loại chỉ dựa trên mối quan hệ rõ ràng với hội chứng cai các chất dạng thuốc phiện. Ví dụ, nếu nhịp tim tăng bởi vì bệnh nhân vừa đi bộ ngay trước khi đánh giá, thì dấu hiệu này không được tính điểm.

Tên bệnh nhân:_____

Ngày tháng và thời gian ____/_____/____:_____

Lý do đánh giá:_____

Nhịp tim lúc nghỉ:
_____nhịp/phút

được đo sau khi bệnh nhân được ngồi hoặc nằm nghỉ trong một phút

0 80 nhịp hoặc thấp hơn

1 81-100 nhịp

2 101-120 nhịp

4 trên 120 nhịp

Rối loạn dạ dày ruột: *trong ½ giờ qua*

0 không có triệu chứng bất thường

1 đau bụng co thắt

2 buồn nôn hoặc phân lỏng

3 nôn hoặc tiêu chảy

5 nhiều lần bị tiêu chảy hoặc nôn

Toát mồ hôi: *trong ½ giờ qua, không do nhiệt độ trong phòng hoặc vận động của bệnh nhân.*

0 bệnh nhân không thấy bị ớn lạnh hoặc đỏ mặt

1 bệnh nhân thấy bị ớn lạnh hoặc đỏ mặt

2 mặt đỏ hoặc quan sát thấy da mặt ẩm, nhớp nháp

3 nhiều giọt mồ hôi trên trán và mặt

4 mồ hôi ròng ròng trên mặt

Run *quan sát khi tay duỗi thẳng*

0 không run

1 có thể cảm thấy run, nhưng không quan sát thấy

2 Quan sát thấy run nhẹ

4 Run nhiều hoặc co giật cơ

Bồn chồn *Quan sát trong khi đánh giá*

0 có thể ngồi yên

Ngáp *Quan sát trong khi đánh giá*

0 không ngáp

1 bệnh nhân kể là khó ngồi yên, nhưng có thể cố gắng ngồi được

3 thường xuyên cử động hoặc cử động thừa của chân/tay

5 không thể ngồi yên trong một vài giây

1 ngáp 1 hoặc 2 lần trong khi đánh giá

2 ngáp 3 lần hoặc hơn trong khi đánh giá

4 ngáp nhiều lần/phút

Kích thước đồng tử

0 đồng tử lỗ kim hoặc có kích thước bình thường dưới ánh sáng phòng

1 đồng tử có thể rộng hơn bình thường dưới ánh sáng phòng

2 đồng tử giãn trung bình

5 đồng tử giãn đến nỗi chỉ nhìn thấy tròng đen

Lo lắng hoặc dễ cáu giận

0 không

1 bệnh nhân cho biết ngày càng dễ kích động hoặc lo lắng

2 bệnh nhân có biểu hiện lo lắng kích thích rõ rệt

4 bệnh nhân kích thích hoặc lo lắng đến mức rất khó tham gia cuộc đánh giá

Đau xương hoặc khớp *nếu bệnh nhân trước đây từng bị đau, thì chỉ phần liên quan đến hội chứng cai mới được tính điểm*

0 không có biểu hiện

1 khó chịu nhẹ, nhưng lan tỏa

2 bệnh nhân cho biết có đau cơ/khớp lan tỏa

4 bệnh nhân xoa cơ/khớp và không thể ngồi yên vì khó chịu

Nổi da gà

0 da nhẵn mịn

3 có thể cảm thấy nổi da gà hoặc lông tay dựng đứng

5 nổi da gà rõ rệt

Chảy nước mắt nước mũi *không do cảm lạnh hoặc dị ứng*

0 không biểu hiện

1 ngạt mũi hoặc mắt ướt bất thường

2 chảy nước mũi hoặc nước mắt

4 chảy nước mũi liên tục hoặc chảy nước mắt ra gò má

Tổng điểm _____

là tổng điểm của tất cả 11 mục

Chữ ký của người tiến hành đánh giá:

_____

Điểm: 5-12 = nhẹ; 13-24 = trung bình; 25-36 = trung bình nặng;
Trên 36 = hội chứng cai nặng

Nhịp tim lúc nghỉ

Được đo sau khi bệnh nhân được ngồi hoặc nằm nghỉ trong một phút.

0 80 nhịp hoặc thấp hơn

1 81-100 nhịp

2 101-120 nhịp

4 trên 120 nhịp

Toát mồ hôi

Trong ½ giờ qua, không do nhiệt độ trong phòng hoặc vận động của bệnh nhân.

0 bệnh nhân không thấy bị ớn lạnh hoặc đỏ mặt

1 bệnh nhân thấy bị ớn lạnh hoặc đỏ mặt

2 mặt đỏ hoặc quan sát thấy da mặt ẩm, nhớp nháp

3 nhiều giọt mồ hôi trên trán và mặt

4 mồ hôi ròng ròng trên mặt

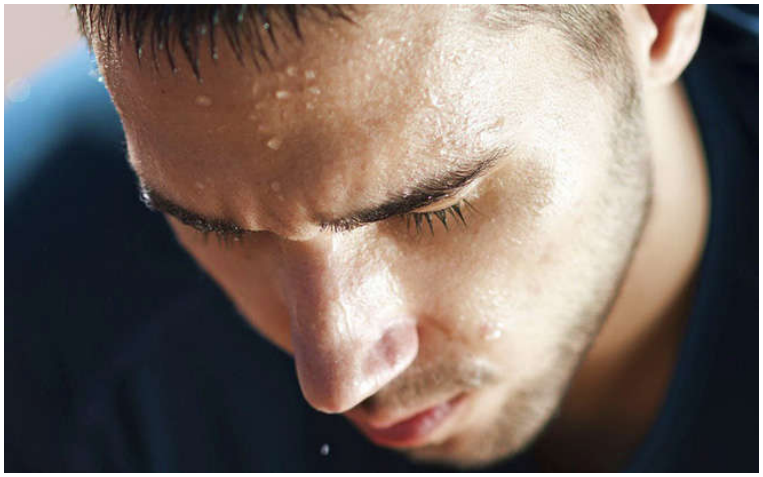

Bồn chồn

Quan sát trong khi đánh giá

0 có thể ngồi yên

1 bệnh nhân kể là khó ngồi yên, nhưng có thể cố gắng ngồi được

3 thường xuyên cử động hoặc cử động thừa của chân/tay

5 không thể ngồi yên trong một vài giây

Rối loạn dạ dày ruột

Trong ½ giờ qua

0 không có triệu chứng bất thường

1 đau bụng co thắt

2 buồn nôn hoặc phân lỏng

3 nôn hoặc tiêu chảy

5 nhiều lần bị tiêu chảy hoặc nôn

Run

Quan sát khi tay duỗi thẳng

0 không run

1 có thể cảm thấy run, nhưng không quan sát thấy

2 Quan sát thấy run nhẹ

4 Run nhiều hoặc co giật cơ

Ngáp

Quan sát trong khi đánh giá

0 không ngáp

1 ngáp 1 hoặc 2 lần trong khi đánh giá

2 ngáp 3 lần hoặc hơn trong khi đánh giá

4 ngáp nhiều lần/phút

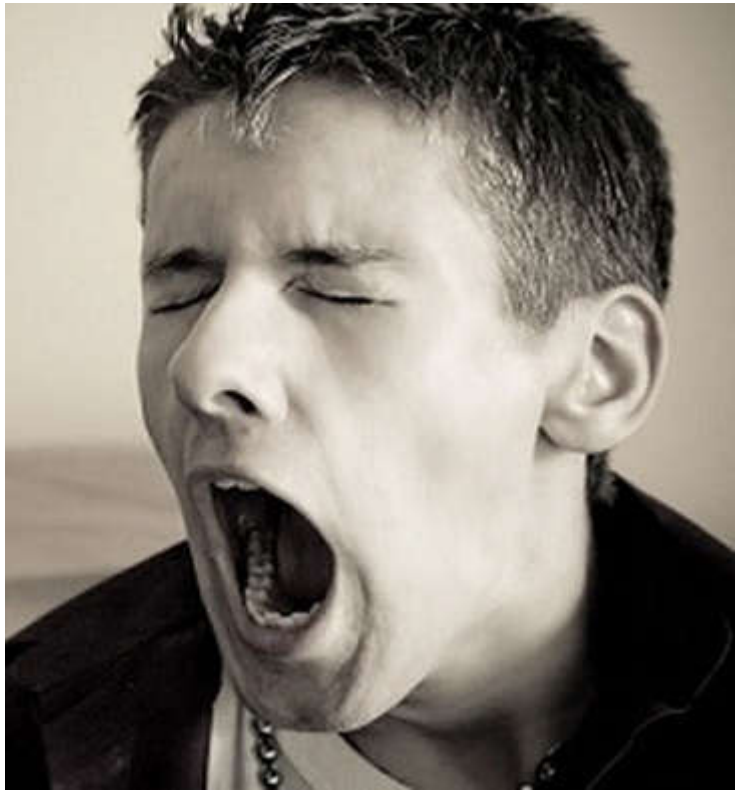

Kích thước đồng tử

Kích thước đồng tử

0 đồng tử lỗ kim hoặc có kích thước bình thường dưới ánh sáng phòng	
1 đồng tử có thể rộng hơn bình thường dưới ánh sáng phòng	
2 đồng tử giãn trung bình	
5 đồng tử giãn đến nỗi chỉ nhìn thấy tròng đen	

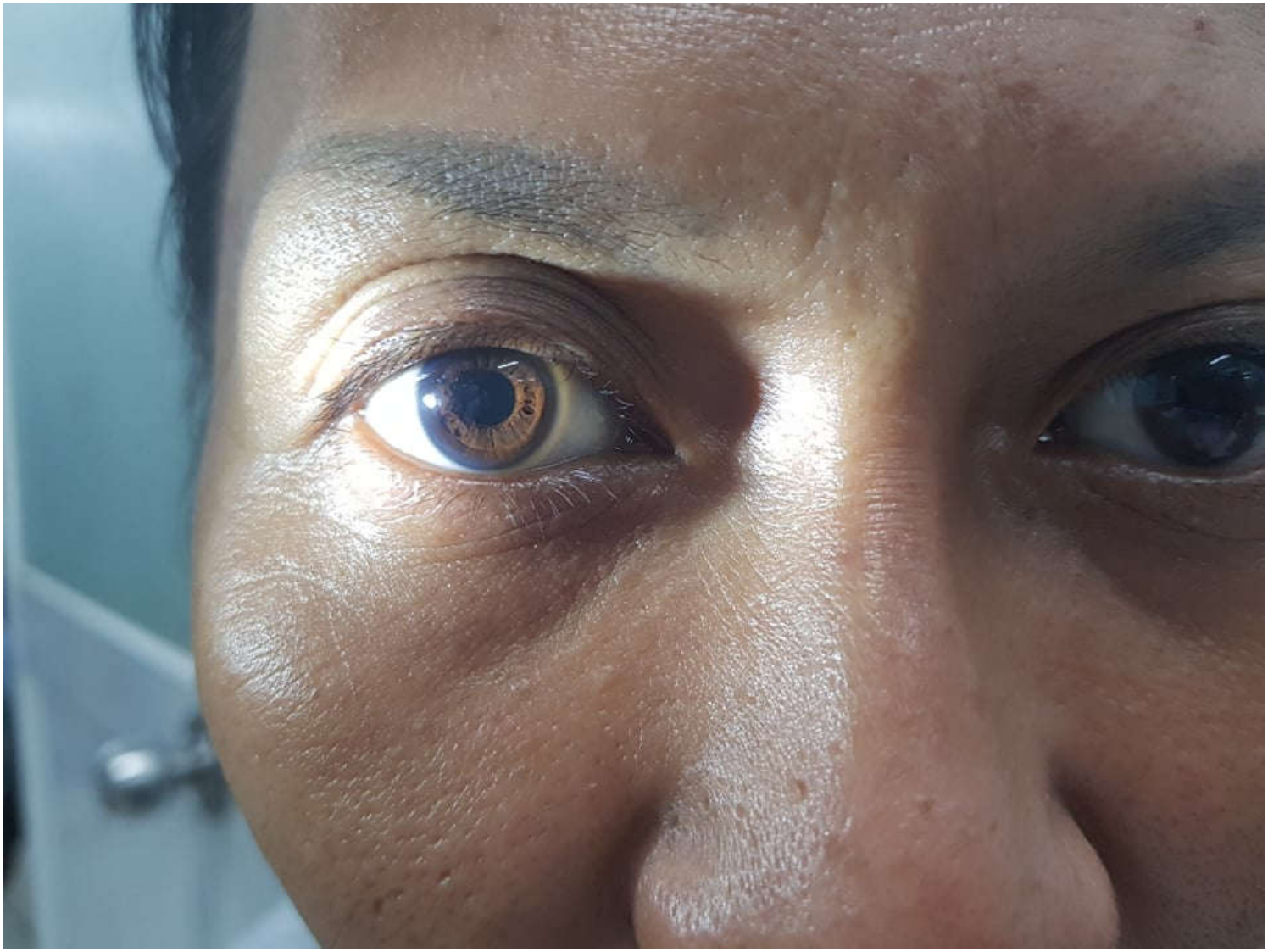

Đau xương hoặc khớp

Nếu bệnh nhân trước đây từng bị đau, thỉ chỉ phần liên quan đến hội chứng cai mới được tính điểm

0 không có biểu hiện

1 khó chịu nhẹ, nhưng lan tỏa

2 bệnh nhân cho biết có đau cơ/khớp lan tỏa

4 bệnh nhân xoa cơ/khớp và không thể ngồi yên vì khó chịu

Chảy nước mắt nước mũi

Không do cảm lạnh hoặc dị ứng

0 không biểu hiện

1 ngạt mũi hoặc mắt ướt bất thường

2 chảy nước mũi hoặc nước mắt

4 chảy nước mũi liên tục hoặc chảy nước mắt ra gò má

Lo lắng hoặc dễ cáu giận

0 không

1 bệnh nhân cho biết ngày càng dễ kích

động hoặc lo lắng

2 bệnh nhân có biểu hiện lo lắng kích thích rõ rệt

4 bênh nhân kich thích hoặc lo lắng đến mức rất khó tham gia cuộc đánh giá

Nổi da gà

0 da nhẵn mịn

3 có thể cảm thấy nổi da gà hoặc lông tay dựng đứng

5 nổi da gà rõ rệt

Tính điểm

- < 5 = không có hội chứng cai
- 5-12 = nhẹ;
- 13-24 = trung bình;
- 25-36 = trung bình nặng;
- Trên 36 = hội chứng cai nặng.

Trường hợp anh Bình

- Bình đang điều trị methadone ngày thứ 3, khởi liều với liều 20 mg.
- Bình than phiền về “hội chứng cai nặng xuất hiện lúc 4 giờ chiều” nhưng không sử dụng heroin hoặc CGN nào khác để làm giảm HC cai.
- Sáng nay, anh ấy kể
  - Ớn lạnh và vã mồ hôi
  - Đau cơ nhẹ
  - Không lo lắng
  - Đau bụng nhẹ

Trường hợp anh Bình (tiếp)

- Khi khám lâm sàng, bạn thấy
  - Nhịp tim 78
  - Không run
  - Không ngáp
  - Không nổi da gà
  - BN vẫn ngồi yên được

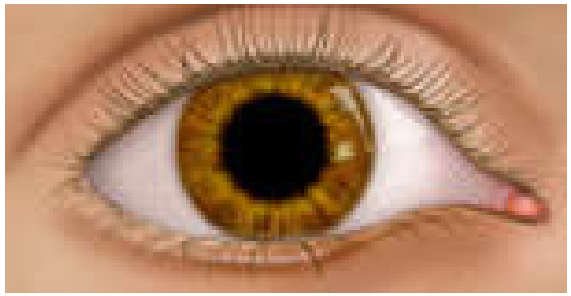

Điểm COWS của Bình

- Nhịp tim ➢0
- Vã mồ hôi ➢2
- Bồn chồn ➢0
- Đồng tử ➢1
- Đau cơ/khớp ➢1
- Chảy nước mắt/mũi ➢1
- Rối loạn tiêu hóa ➢1
- Run ➢0
- Ngáp ➢0
- Lo lắng ➢0
- Nổi da gà ➢0

Trường hợp của Dũng

- Dũng đang điều trị ổn định ở liều 75mg trong 4 tháng
- Lần sử dụng heroin cuối cùng cách đây 3 tuần, sử dụng với bạn
- Không sử dụng thuốc gì khác
- Sáng nay, bệnh nhân than phiền về HC cai
  - Mệt mỏi
  - Đau nhức
  - Vã mồ hôi
  - Buồn nôn

Khám thực thể Dũng

- Nhịp tim 85
- Có thể ngồi yên
- Hơi ngạt mũi, không chảy nước mắt
- Đồng tử bình thường

Điểm COWS của Dũng

- Nhịp tim ➢1
- Vã mồ hôi ➢3
- Bồn chồn ➢0
- Đồng tử ➢0
- Xương/khớp ➢2
- Chảy nước mắt/mũi ➢1
- Tiêu hóa ➢2
- Run ➢0
- Ngáp ➢0
- Lo lắng ➢0
- Nổi da gà ➢5

Nguyên tắc

Phải xác định đó là hội chứng cai rồi mới đo mức độ bằng thang điểm COWS chứ không đo thang COWS để chẩn đoán hội chứng cai.

Xin cám ơn các anh chị học viên đã chú ý lắng nghe!